

Số: /VBCB-YTĐL

Đắk Glei, ngày 14 tháng 6 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei

Số giấy phép hoạt động: 135/KT-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Kon Tum cấp ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Địa chỉ: Số 635, đường Hùng Vương, thôn Đắk Dung, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Lê Đình Thiết.

Điện thoại liên hệ: 02603.834.232

Email: ttytdlkt@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ đa khoa, y sĩ đa khoa, điều dưỡng, hộ sinh.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành.

3. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 17

4. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.000.000 đồng/tháng

Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

(1) Quyết định số 380/QĐ-SYT ngày 25/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

(2) Danh sách nhân sự và thiết bị y tế để đào tạo thực hành.

(3) Bảng quy mô cơ cấu, tổ chức giường bệnh.

(4) Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ đa khoa.

(5) Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề y sỹ đa khoa.

(6) Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề điều dưỡng.

(7) Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề hộ sinh./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

Số: /QĐ-YTĐL

Đắk Glei, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề đối với hộ sinh tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1991 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-SYT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-BYT vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế về phê duyệt tài liệu Chuẩn năng lực cơ bản của hộ sinh Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học công nghệ Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei xét chuẩn đầu ra, khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề hộ sinh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề đối với hộ sinh tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định ban hành trước đây.

Điều 3. Các bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD-KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
ĐỀ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI HỘ SINH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTDL ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei)*

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-BYT vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế về phê duyệt tài liệu Chuẩn năng lực cơ bản của hộ sinh Việt Nam;
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei là đơn vị sự nghiệp hạng III, có chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức theo quy định tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, trong đó về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có:

(1) Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

(2) Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

(3) Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.

(4) Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

(5) Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành:

+ Máy tính, máy chiếu.

- + Bài tập tình huống.
- + Đóng vai.
- + Video minh họa.
- + Học viên đóng vai.
- + Mô hình

- Nguồn nhân lực hướng dẫn thực hành: BSCKI sản phụ khoa 01, BSCKĐH sản phụ khoa: 02, 01 cử nhân hộ sinh (hạng III) tại Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn và 05 hộ sinh cao đẳng của Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.

- Số lượng giảng viên và trợ giảng:

+ Lý thuyết: 01 giảng viên và 01 trợ giảng.

+ Thực hành: 01 giảng viên và 01 trợ giảng

+ Thực hành tại khoa theo nhóm (03 học viên/nhóm): 01 giảng viên và 01 trợ giảng.

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Đối tượng thực hành

Đủ các điều kiện sau:

- Có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trung cấp trở lên.
- Hộ sinh có nhu cầu học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành lâm sàng.
- Chưa được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023.

2. Người hướng dẫn thực hành

Đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:

- Không hướng dẫn tối đa là 5 người thực hành trong cùng một thời điểm.
- Có chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn hộ sinh
- Có trình độ đào tạo: Bác sĩ sản phụ khoa, Hộ sinh cao đẳng.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

III. THỜI GIAN: Thời gian thực hành 6 tháng.

IV. LỊCH THỰC HÀNH

Thời gian	Khoa lâm sàng thực hành	Nội dung
1 tháng	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
5 tháng	Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHỨC DANH HỘ SINH

- Thời gian đào tạo: 06 tháng (132 ngày = 264 buổi), trong đó:
- + Thời lượng thực hành khám bệnh, chữa bệnh hồi sức cấp cứu: 01 tháng
- + Thời lượng thực hành chuyên môn tại khoa: 05 tháng
- Tổng số tiết đào tạo: 1.056 tiết (1 buổi 4 tiết), trong đó:
- + Số tiết lý thuyết: 76 tiết, trong đó: HSCC = 12 tiết; 5 khoa = 64 tiết
- + Số tiết thực hành: 980 tiết.

VI. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

1. Phần học lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết
1	Giới thiệu về chương trình đào tạo, phương pháp học thực hành lâm sàng Các văn bản quy phạm pháp luật; các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng trong bệnh viện; cấu trúc khoa, phòng tại Trung tâm Y tế.	4
2	Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	8
3	Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	8
4	Bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh và áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei	4

5	Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế	4
6	Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế	4
7	Phòng ngừa chuẩn và một số nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn trong hoạt động điều dưỡng	4
8	An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa liên quan đến chăm sóc người bệnh	8
9	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện	4
10	Truyền thông giáo dục sức khỏe và làm việc nhóm	4
11	Quy chế, quy định ghi chép hồ sơ bệnh án tại bệnh viện	4
12	Sử dụng và quản lý các trang thiết bị y tế tại bệnh viện	4
13	Quản lý, công khai thuốc và vật tư y tế. Sử dụng phần mềm VNPT-HIS	8
14	Hướng dẫn viết báo cáo, đánh giá quá trình thực hành	8
Tổng số:		76

2. Thực hành tại Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng

STT	Tên danh mục kỹ thuật	Bác sĩ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh chỉ định và thực hiện độc lập
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x
2	Cấp cứu ngừng tim	x	x
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản		x
4	Cấp cứu ngừng thở	x	x
5	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x
6	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x
7	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x

8	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x
9	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuy n mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x
10	Kỹ thuật gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x
11	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống nội khí quản hoặc người bệnh thở máy		x
12	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x
13	Theo dõi SpO2 liên tục tại giường	x	x
14	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu	x	
15	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x
16	Chăm sóc bệnh nhân thở máy		x
17	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x
18	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh		x
19	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	
20	Vệ sinh khử khuẩn máy thở		x

3. Thực hành tại Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản

STT	Tên danh mục kỹ thuật	Bác sĩ chỉ định và hộ sinh thực hiện độc lập	Hộ sinh chỉ định và thực hiện độc lập
Trước sinh			
1	Khám thai	x	x
2	Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa.	x	x
3	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý	x	x
4	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa		x

5	Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa	x	x
6	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ		x
7	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ	x	x
8	Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ		x
9	Xử trí sa dây rốn	x	x
Trong sinh		x	
10	Kỹ thuật bấm ối	x	x
11	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm		x
12	Đỡ đẻ rơi		x
13	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ	x	x
14	Xử trí ban đầu những trường hợp bất thường trong đẻ	x	x
15	Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn	x	x
16	Cắt và khâu tầng sinh môn		x
17	Kỹ thuật da kê da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)		x
18	Chèn gạc âm đạo cầm máu	x	x
19	Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo	x	x
20	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,	x	x
21	Khâu phục hồi rách âm hộ	x	x
22	Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm		x
Sau sinh			
23	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ		x
24	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ		x
25	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh		x
26	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ		x
27	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ		x

28	Làm thuốc tăng sinh môn sau đẻ		x
29	Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh	x	x
Khám phụ khoa		x	x
30	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa	x	x
31	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa		x
32	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa		x
33	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa		x
34	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa		x
35	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý		x
36	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý		x
37	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý		x
38	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung		x
39	Hướng dẫn , tư vấn về dinh dưỡng phù hợp cho người bệnh sản phụ khoa		x
40	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục		x
41	Đặt dụng cụ tử cung		x
42	Tháo dụng cụ tử cung		x
43	Lấy dị vật âm đạo		
Chăm sóc bé			
44	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh		x
45	Chăm sóc rốn sơ sinh		x
46	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn		x
47	Tắm trẻ sơ sinh		x
48	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ		x
49	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ		x

50	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh	x	x
51	Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng	x	
52	Cấp cứu sặc sữa	x	x
53	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh	x	x
54	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh	x	x
55	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh	x	x
56	Xử trí chảy máu rốn	x	x
57	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru		x

3. Tiêu chí đánh giá

- Ý thức học tập và sự chuyên cần: học viên cần tham dự đầy đủ thời gian khóa học và tham gia tích cực trong quá trình học. Trong trường hợp nghỉ học phải báo cáo với giáo viên phụ trách và không được nghỉ quá 5% số tiết học. Có ý thức tập thể, chấp hành nội quy học tập.

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp gồm thi lý thuyết tổng hợp, thực hành quy trình.

- Điểm tốt nghiệp: Bao gồm điểm trung bình các lần kiểm tra (25%), điểm trung bình các bài thực tập (25%) và điểm bài thi cuối khóa (50%).

VII. TỔ CHỨC KIỂM TRA

- Thi lý thuyết: Tại hội trường của Trung tâm Y tế.

- Thi thực hành: Tại các khoa lâm sàng thuộc Trung tâm Y tế.

VIII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN THỰC HÀNH

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực hành

- Học viên thực hiện bài thi tổng hợp dưới hình thức như bài kiểm tra, thời gian không ít hơn 60 phút, nội dung bao quát chương trình.

- Học viên thực hiện bài thi thực hành bốc thăm các quy trình chuyên môn tại khoa lâm sàng.

- Học viên đạt sẽ được người hướng dẫn thực hành xác nhận bằng phiếu nhận xét quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

2. Xác nhận thực hành của đơn vị

- Đúng đối tượng được dự khóa đào tạo.

- Không vi phạm nội quy khóa học.

- Tham dự đầy đủ nội dung của lớp học, vắng không quá 5% thời gian học

- Điểm tốt nghiệp từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Người được cấp Giấy xác nhận thực hành của đơn vị.
- Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo *Mẫu số 7 Phụ lục I*, (Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

Số: /QĐ-YTĐL

Đắk Gle, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề đối với điều dưỡng tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1991 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Gle về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-SYT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BYT vào ngày 21 tháng 04 năm 2012 của Bộ Y tế về ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học công nghệ Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle xét chuẩn đầu ra, khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề điều dưỡng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề đối với điều dưỡng” tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định ban hành trước đây.

Điều 3. Các bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD-KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
ĐỂ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI ĐIỀU DƯỠNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-YTĐL ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei)*

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei là đơn vị sự nghiệp hạng III, có chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức theo quy định tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, trong đó về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có:

(1) Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

(2) Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

(3) Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.

(4) Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

(5) Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành:

+ Máy tính, máy chiếu.

+ Bài tập tình huống.

- + Đóng vai.
- + Video minh họa.
- + Học viên đóng vai.
- + Mô hình

- Nguồn nhân lực hướng dẫn thực hành: 05 cử nhân điều dưỡng (hạng III) là điều dưỡng trưởng các khoa: Nội - Nhi - Truyền nhiễm, Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng, Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản và Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Số lượng giảng viên và trợ giảng:

- + Lý thuyết: 01 giảng viên và 01 trợ giảng.
- + Thực hành: 01 giảng viên và 01 trợ giảng
- + Thực hành tại khoa theo nhóm (10 học viên/nhóm): 01 giảng viên và 01 trợ giảng.

- Danh mục kỹ thuật: 42 Quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh đã ban hành (*phụ lục*).

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Đối tượng thực hành

Đủ các điều kiện sau

- Có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo từ trung cấp trở lên.
- Điều dưỡng có nhu cầu học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành lâm sàng.
- Chưa được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023.

2. Người hướng dẫn thực hành

Đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:

- Không hướng dẫn tối đa là 5 người thực hành trong cùng một thời điểm.
- Có chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng
- Có trình độ đào tạo: Cử nhân điều dưỡng.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 3 năm trở lên.

III. THỜI GIAN: Thời gian thực hành: 6 tháng.

IV. LỊCH THỰC HÀNH

Thời gian	Khoa lâm sàng thực hành	Nội dung
1 tháng	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
2 tháng	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
2 tháng	Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
1 tháng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh

V. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

1. Chương trình tổng thể

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
Chủ đề 1: Phổ biến các văn bản liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và các quy định, hướng dẫn chuyên môn về hành nghề điều dưỡng		8	6	2
1	Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện		3	1
2	Các quy định liên quan đến hành nghề điều dưỡng và chăm sóc người bệnh		2	1
3	Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam và nội dung đào tạo điều dưỡng viên mới		1	
Chủ đề 2: Lý thuyết và thực hành bổ trợ		84	28	56
1	Hướng dẫn phòng, chẩn đoán, xử trí phản vệ		2	4
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản		2	4
3	Chăm sóc giảm đau		2	4
4	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh		2	4
5	Kỹ thuật thở ô xy		2	4
6	Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow		2	4
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		TS	LT	TH
8	Quy trình tiêm an toàn		2	4
9	Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh		2	4
10	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu		2	4
11	Hướng dẫn ghi chép phiếu chăm sóc		2	4
12	Kỹ năng tư vấn		2	4
13	Kỹ năng truyền thông - Giáo dục sức khỏe		2	4
Chủ đề 3: An toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn		30	10	20
1	Phòng ngừa sự cố y khoa trong việc xác định người bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc.		2	4
2	Phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc		2	4
3	Phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và sử dụng trang thiết bị vật tư y tế		2	4
4	Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân		2	4
5	Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp		2	4
Chủ đề 4: Thực hành tại các khoa lâm sàng, lập kế hoạch chăm sóc		1284		
1	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm			428
2	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng			428
3	Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản			428
Chủ đề 5: Ôn tập, tự học, kiểm tra và đánh giá		30	10	20
1	Kiểm tra đầu khóa học			
2	Ôn tập 3 chủ đề		4	10
2	Ôn tập Tư vấn, giáo dục sức khỏe, lập kế hoạch chăm sóc, viết báo cáo		4	6
3	Kiểm tra, đánh giá cuối khóa		2	4
Lễ khai giảng và bế giảng		4		
Tổng số tiết		1.440	54	1.382

2. Chương trình chi tiết

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
1	Kiểm tra trước khóa học			
2	- Khai mạc lớp - Thông qua mục tiêu và chương trình tập huấn	TTĐT		
3	<u>Bài 1</u> Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện		3	1
4	<u>Bài 2</u> Các quy định liên quan đến hành nghề điều dưỡng và chăm sóc người bệnh		2	1
5	<u>Bài 3</u> Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng 1. Trình bày được các nội dung Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam. 2. Áp dụng các tiêu chuẩn/tiêu chí của “Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh. 3. Trình bày được khái niệm về quy tắc đạo đức nghề nghiệp.		1	
6	<u>Bài 4</u> Phòng xử trí phản vệ 1. Nắm được nguyên tắc dự phòng phản vệ. 2. Hướng dẫn chẩn đoán mức độ phản vệ. 3. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ.		2	4
7	<u>Bài 5</u> Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản 1. Nêu được các dấu hiệu chẩn đoán xác định ngừng tuần hoàn. 2. Mô tả các bước tiến hành hồi sinh tim phổi cơ bản. 3. Liệt kê các nguyên nhân gây ngừng tuần hoàn thường gặp và có thể điều trị nhanh chóng.		2	4
8	<u>Bài 6</u>		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
	<p style="text-align: center;">Chăm sóc giảm đau</p> <p>1. Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng tới đau. 2. Sử dụng được công cụ lượng giá đau để lượng giá người bệnh. 3. Thực hiện được các phương pháp kiểm soát đau khi chăm sóc người bệnh và hướng dẫn người bệnh/gia đình người bệnh tham gia kiểm soát đau.</p>			
9	<p style="text-align: center;"><u>Bài 7</u></p> <p style="text-align: center;">Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh</p> <p>1. Thực hiện đúng quy trình điều dưỡng khi tiếp đón người bệnh tại phòng khám hoặc khoa điều trị, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện. 2. Thể hiện khả năng giao tiếp phù hợp, tác phong chu đáo, tuân thủ các quy định khi chăm sóc người bệnh. 3. Nhận định được sức khỏe hiện tại và xác định được nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh.</p>		2	4
10	<p style="text-align: center;"><u>Bài 8</u></p> <p style="text-align: center;">Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở</p> <p>1. Nhận biết được các trường hợp người bệnh cần phải hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng 2. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng giúp thở 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp</p>		2	4
11	<p style="text-align: center;"><u>Bài 9</u></p> <p style="text-align: center;">Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp</p> <p>1. Phát hiện sớm nạn nhân ngừng tuần hoàn. 2. Thực hiện hiệu quả kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn; theo dõi, chăm sóc được người bệnh sau khi cấp cứu. 3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, phối hợp hiệu quả khi cấp cứu ngừng tuần hoàn.</p>		2	4
12	<p style="text-align: center;"><u>Bài 10</u></p> <p style="text-align: center;">Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm</p>		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
	<p style="text-align: center;">Glasgow</p> <p>1. Giải thích được các bước đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow.</p> <p>2. Thực hiện được kỹ năng đánh giá người bệnh theo thang điểm Glasgow.</p>			
13	<p style="text-align: center;"><u>Bài 11</u></p> <p style="text-align: center;">Quy trình tiêm an toàn</p> <p>1. Mô tả được qui trình tiêm trong da, dưới da, bắp, tĩnh mạch và truyền dịch.</p> <p>2. Chuẩn bị dụng cụ, người bệnh trước khi tiêm và truyền dịch.</p> <p>3. Tiến hành đúng qui trình kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tĩnh mạch và truyền dịch.</p>		2	4
14	<p style="text-align: center;"><u>Bài 12</u></p> <p style="text-align: center;">Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh</p> <p style="text-align: center;">Kỹ thuật thay băng vết thương sạch</p> <p>1. Khám nhận định được dấu hiệu các mức độ loét tỳ đè.</p> <p>2. Sử dụng thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh.</p> <p>3. Thực hiện chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.</p> <p>4. Hướng dẫn được người bệnh và gia đình người bệnh chăm sóc dự phòng loét tỳ đè</p>		2	4
15	<p style="text-align: center;"><u>Bài 13</u></p> <p style="text-align: center;">Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu</p> <p>1. Khám nhận định và phân loại được các loại vết thương và ống dẫn lưu.</p> <p>2. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch trên người bệnh: đúng quy trình, đảm bảo an toàn và chăm sóc ống dẫn lưu.</p>		2	4
16	<p style="text-align: center;"><u>Bài 14</u></p> <p style="text-align: center;">Hướng dẫn ghi chép phiếu chăm sóc</p> <p>1. Nắm được ghi diễn biến của người bệnh về chăm sóc, xử trí và thực hiện các y lệnh về điều trị của điều dưỡng.</p>		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
	<p>2. Trình bày được ghi chép phiếu chăm sóc là thực hiện thông tin giữa các điều dưỡng và giữa điều dưỡng với bác sỹ điều trị.</p> <p>3. Biết được ghi chép phiếu chăm sóc là tài liệu pháp lý để xem xét đánh giá trách nhiệm trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của điều dưỡng</p>			
17	<p style="text-align: center;"><u>Bài 15</u></p> <p style="text-align: center;">Kỹ năng truyền thông, giáo dục sức khỏe</p> <p>1. Trình bày được một số điểm cơ bản về truyền thông giáo dục sức khoẻ liên quan đến hoạt động của điều dưỡng: Ý nghĩa của truyền thông giáo dục sức khoẻ; các kỹ năng truyền thông; các yêu cầu làm cho truyền thông, tư vấn hiệu quả.</p> <p>2. Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tư vấn phù hợp, hiệu quả với người bệnh/gia đình người bệnh khixuất viện.</p> <p>3. Thể hiện sự hiểu biết về chủ đề tư vấn, giáo dục sức khoẻ; thái độ thân thiện, cởi mở, tôn trọng khi thực hiện tư vấn giáo dục sức khoẻ.</p>		2	4
18	<p style="text-align: center;"><u>Bài 16</u></p> <p style="text-align: center;">Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong chăm sóc người bệnh</p> <p>1. Trình bày được kỹ năng giao tiếp ứng xử cơ bản và những điểm cần lưu ý trong giao tiếp của người điều dưỡng.</p> <p>2. Thực hiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh (giao tiếp với người bệnh/gia đình người bệnh, với đồng nghiệp).</p>		2	4
19	<p style="text-align: center;"><u>Bài 17</u></p> <p style="text-align: center;">Kỹ năng làm việc nhóm trong chăm sóc y tế</p> <p>1. Trình bày được 6 lợi ích của làm việc nhóm trong chăm sóc sức khỏe.</p> <p>2. Phân tích được 4 giai đoạn hình thành và phát triển nhóm.</p> <p>3. Thảo luận các biện pháp tăng cường hiệu quả nhóm.</p>		2	4
20	<p style="text-align: center;"><u>Bài 18</u></p> <p style="text-align: center;">Phòng ngừa sự cố y khoa trong việc xác định người</p>		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
	<p>bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc.</p> <ol style="list-style-type: none"> Nắm được các nguyên tắc xác định đúng người bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc. Áp dụng được các biện pháp xác định đúng người bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc. 			
21	<p style="text-align: center;"><u>Bài 19</u></p> <p style="text-align: center;">Thực hành dùng thuốc cho người bệnh</p> <ol style="list-style-type: none"> Hiểu được về sai sót trong sử dụng thuốc. Biết được các nguyên tắc để phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong sử dụng thuốc. Có thể áp dụng được các biện pháp để phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong sử dụng thuốc. 		2	4
22	<p style="text-align: center;"><u>Bài 20</u></p> <p style="text-align: center;">Phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và sử dụng trang thiết bị - vật tư y tế</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình bày được nguyên tắc phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị, vật tư y tế. Áp dụng được các biện pháp để phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị, vật tư y tế. 		2	4
23	<p style="text-align: center;"><u>Bài 21</u></p> <p style="text-align: center;">Áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc trong bệnh</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn. Nhận dạng được các tình huống cần áp dụng phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh. Thực hành đúng các quy định phòng ngừa chuẩn phù hợp với thực tế tại bệnh viện. Lựa chọn và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân phù hợp với các tình huống chăm sóc người bệnh. 		2	4
24	<p style="text-align: center;"><u>Bài 22</u></p> <p style="text-align: center;">Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp</p>		2	4

STT	Nội dung	Số tiết		
		Khoa/ Phòng	LT	TH
	1. Phát biểu đúng định nghĩa tiêm an toàn. 2. Trình bày được nguyên tắc thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn trong tiêm. 3. Kể được các hành vi tiêm chưa an toàn, nguy cơ và đề xuất các giải pháp thay đổi hành vi nhằm đảm bảo an toàn trong tiêm. 4. Thống nhất nguyên tắc sắp xếp một xe tiêm tại đơn vị 5. Mô phỏng đủ, đúng quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi do do mũi kim tiêm.			
25	Ôn tập 3 chủ đề		4	10
26	Thực hành lâm sàng tại các khoa.	1.284		1.284
27	Ôn tập tư vấn, giáo dục sức khỏe, viết báo cáo		4	6
28	Kiểm tra, đánh giá cuối khoá		2	4
29	Lễ khai giảng và bế giảng	4		
Tổng số		1.440	54	1.382

3. Tiêu chí đánh giá

- Ý thức học tập và sự chuyên cần: học viên cần tham dự đầy đủ thời gian khóa học và tham gia tích cực trong quá trình học. Trong trường hợp nghỉ học phải báo cáo với giáo viên phụ trách và không được nghỉ quá 5% số tiết học. Có ý thức tập thể, chấp hành nội quy học tập.

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp gồm thi lý thuyết tổng hợp, thực hành quy trình.

- Điểm tốt nghiệp: Bao gồm điểm trung bình các lần kiểm tra (25%), điểm trung bình các bài thực tập (25%) và điểm bài thi cuối khóa (50%).

VI. TỔ CHỨC KIỂM TRA

- Thi lý thuyết: Tại hội trường của Trung tâm Y tế.

- Thi thực hành: Tại các khoa lâm sàng thuộc Trung tâm Y tế.

VII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN THỰC HÀNH

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực hành

- Học viên thực hiện bài thi tổng hợp dưới hình thức như bài kiểm tra, thời gian không ít hơn 60 phút, nội dung bao quát chương trình.

- Học viên thực hiện bài thi thực hành bốc thăm các quy trình chuyên môn tại các khoa lâm sàng.

Học viên đạt sẽ được người hướng dẫn thực hành xác nhận bằng phiếu nhận xét quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

2. Xác nhận thực hành của đơn vị

- Đúng đối tượng được dự khóa đào tạo.
- Không vi phạm nội quy khóa học.
- Tham dự đầy đủ nội dung của lớp học, vắng không quá 5% thời gian học
- Điểm tốt nghiệp từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Người được cấp Giấy xác nhận thực hành của đơn vị.
- Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo *Mẫu số 7 Phụ lục I*, (Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

Số: /QĐ-YTĐL

Đắk Gle, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình, nội dung thực hành
khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề
bác sỹ đa khoa tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UB ngày 30 tháng 3 năm 1991 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Gle về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-SYT ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ đa khoa;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng Khoa học công nghệ Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle xét chuẩn đầu ra, khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ đa khoa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ đa khoa” tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Gle.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định được ban hành trước đây.

Điều 3. Các bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD-KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI BÁC SỸ ĐA KHOA**
(kèm theo Quyết định số /QĐ-YTDL ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ đa khoa;
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei là đơn vị sự nghiệp hạng III, có chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, trong đó về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có:

- (1) Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.
- (2) Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.
- (3) Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.
- (4) Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.
- (5) Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành: Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei cơ bản đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác thực

hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Nguồn nhân lực hướng dẫn thực hành: Gồm 01 bác sỹ chuyên khoa cấp II, 07 bác sỹ chuyên khoa cấp I (01 bác sỹ chuyên khoa Nội tổng quát, 01 bác sỹ chuyên khoa nhi, 01 bác sỹ chuyên khoa phụ sản, 01 bác sỹ chuyên khoa ngoại, 02 bác sỹ chuyên khoa truyền nhiễm, 01 bác sỹ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh); 02 bác sỹ đa khoa định hướng sản phụ khoa; 01 bác sỹ đa khoa định hướng tai mũi họng; 28 bác sỹ đa khoa tại các khoa, phòng, phòng khám đa khoa khu vực và trạm y tế xã, thị trấn.

- Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là bác sỹ có phạm vi có phạm vi hoạt động chuyên môn “khám bệnh, chữa bệnh đa khoa”.

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
		HỆ THẦN KINH
1	3.2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm
2	3.137	Xử trí tăng áp lực nội sọ
		HỆ TUẦN HOÀN
3	2.85	Điện tim thường
4	2.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	21.13	Nghiệm pháp dây thắt
6	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	6.69	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
9	9.6	Cấp cứu cao huyết áp
10	9.8	Cấp cứu ngừng tim
11	9.10	Cấp cứu tụt huyết áp
12	3.51	Ép tim ngoài lồng ngực
13	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
14	3.1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
15	3.1402	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	3.47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
		HỆ HÔ HẤP
17	3.102	Chăm sóc lỗ mở khí quản
18	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản
19	3.77	Đặt ống nội khí quản
20	9.120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản
21	9.123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
22	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản
23	3.2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
24	2.28	Kỹ thuật ho có điều khiển
25	2.30	Kỹ thuật ho khắc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
26	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
27	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
28	1.74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
29		Mở màng giáp nhân cấp cứu
30	15.221	Sơ cứu bong đường hô hấp
31	3.2189	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
32	3.101	Thay canuyn mở khí quản
33	3.107	Thủ thuật Heimlich (lây dị vật đường thở)
34	9.7	Cấp cứu ngừng thở
35	9.183	Thở oxy gọng kính
36	9.184	Thở oxy qua mặt nạ
37	3.105	Thổi ngạt
		HỆ TIÊU HOÁ
38	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
39	3.172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
40	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
41	1.216	Đặt ống thông dạ dày
42	1.223	Đặt ống thông hậu môn
43	3.178	Đặt sonde hậu môn
44	2.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
45	3.1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
46	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu
47	1.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
48	1.222	Thụt giữ
49	2.221	Thụt tháo
50	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
51	2.244	Đặt ống sonde dạ dày
52	1.240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
53	3.3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
		HỆ TIẾT NIỆU
54	3.161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
55	10.359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
56	3.3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
57	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
58	2.233	Rửa bàng quang
59	1.164	Thông bàng quang
60	3.133	Thông tiểu
61	2.167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bề thận qua da/lần
62	1.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
63	3.1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
64	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
		HỆ NỘI TIẾT
65	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
66	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
67	7.239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
68	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
		HỆ CƠ XƯƠNG
69	10.164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
70	16.300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
71	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
72	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
73	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
74	3.151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu
75	3.2069	Nắn sai khớp thái dương hàm
76	3.2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
77	3.3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn
78	13.202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
79	3.3817	Chích áp xe phần mềm lớn
80	16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
81	3.2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
82	3.3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm
83	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
84	3.3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động
85	3.4246	Tháo bột các loại
86	10.1032	Nẹp bột các loại, không nắn
		MẮT
87	14.212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
88	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
89	14.260	Đo thị lực
90	3.1707	Khám mắt
91	14.171	Khâu da mi đơn giản
92	14.210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
93	14.215	Rạch áp xe mi
94	14.208	Thay băng vô khuẩn
95	14.174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
		TAI
96	15.57	Chích nhọt ống tai ngoài
97	15.56	Chọc hút dịch vành tai
98	3.2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
99	3.2117	Lấy dị vật tai
100	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
		MŨI , MIỆNG, HỌNG
101	15.142	Cầm máu mũi bằng Merocel
102	3.1960	Chích áp xe lợi
103	3.1958	Chích Apxe lợi trẻ em
104	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
105	3.1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
106	3.1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng
107	3.2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
108	3.1959	Điều trị viêm lợi trẻ em
109	3.1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
110	2.150	Hút đờm hầu họng
111	15.147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
112	15.222	Khí dung mũi họng
113	12.164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm
114	15.212	Lấy dị vật họng miệng
115	15.141	Nhét bắc mũi trước
116	3.1955	Nhổ răng sữa
117	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
		CƠ QUAN SINH DỤC NAM
118	3.3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
119	10.411	Cắt hẹp bao quy đầu
120	3.3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn
121	13.164	Khám nam khoa
122	3.3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu
		CƠ QUAN SINH DỤC NỮ
123	12.309	Bóc nang tuyến Bartholin
124	3.2258	Chích áp xe tuyến Bartholin
125	3.3406	Chích áp xe tầng sinh môn
126	3.3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản
127	13.30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
128	13.53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
129	13.165	Khám phụ khoa
130	13.167	Làm thuốc âm đạo
		SẢN KHOA - SƠ SINH
131	13.21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
132	13.23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
133	13.33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
134	13.34	Cắt và khâu tầng sinh môn
135	13.35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
136	13.36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
137	13.37	Kiểm soát tử cung

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
138	13.40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
139	13.41	Khám thai
140	13.196	Khám sơ sinh
141	13.197	Chăm sóc rốn sơ sinh
142	13.38	Bóc rau nhân tạo
		DA VÀ LỚP BAO PHỦ
143	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
144	5.3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
145	11.12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da
146	3.3005	Tiêm nội sẹo, nội thương tồn
147	3.1703	Cắt chỉ khâu da
148	3.3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể
149	11.77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng
150	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
		ĐIỆN QUANG
151	2.314	Siêu âm ổ bụng
		DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC
152	1.275	Băng bó vết thương
153	1.269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
154	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
155	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
156	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
157	3.3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
158	12.92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
159	9.11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
160	1.305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
161	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
162	3.3910	Chích hạch viêm mũi
163	3.3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu
164	3.3031	Chích rạch áp xe nhỏ
165	3.2356	Chọc hút áp xe thành bụng
166	3.2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
167	11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
168	3.1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
169	1.45	Dùng thuốc chống đông
170	1.271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
172	1.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
173	3.1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
174	3.134	Hồi sức chống sốc

STT	Số thứ tự theo Thông tư số 43/2013/TT- BYT và Thông tư số 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
175	3.4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều
176		Khám bệnh
177	11.16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bong sâu
178	3.187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
179	11.178	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp
180	3.1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
181	3.1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
182	1.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
183	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
184	3.192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng
185	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
186	3.1510	Thay băng điều trị bong nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
187	11.5	Thay băng điều trị vết bong dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
188	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
189	15.303	Thay băng vết mổ
190	3.3911	Thay băng, cắt chỉ
200	3.87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
201	9.168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
202	9.176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
203	3.2389	Tiêm bắp thịt
204	3.2388	Tiêm dưới da
205	3.2387	Tiêm trong da
206	3.210	Tiêm truyền thuốc
207	9.194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
208	3.1405	Truyền dịch thường quy
209	9.196	Truyền dịch trong sốc
210	1.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
211	9.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
212	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
213	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn
214	1.278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
215	1.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
216	9.204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh
217	11.80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bong

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Đối tượng thực hành

Đủ các điều kiện sau

- Có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo bác sỹ y khoa.
- Chưa được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023.
- Có nhu cầu tham gia thực hành.

2. Người hướng dẫn thực hành

Đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, khoản 4, khoản Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:

2.1. Phân công người hướng dẫn thực hành:

- Việc phân công người hướng dẫn thực hành theo *Mẫu 06 Phụ lục I* ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.
- 01 người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

2.2. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành

- Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành.
- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

III. NHIỆM VỤ CỦA CÁC KHOA LÂM SÀNG VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Khoa lâm sàng

- Hướng dẫn nội quy của khoa ngay đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa;
- Phân công bác sỹ hướng dẫn thực hành theo quyết định của bệnh viện;
- Phân trực cho học viên: Theo lịch trực của bác sỹ được phân công hướng dẫn thực hành;
- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành;
- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ thực hành.

2. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của bệnh viện.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

3. Nhiệm vụ của học viên

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của bệnh viện và khoa thực hành.
- Bảo đảm ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thoả thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.
- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.
- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

IV. THỜI GIAN: Thời gian thực hành: 12 tháng.

V. LỊCH THỰC HÀNH

Thời gian	Khoa lâm sàng thực hành	Nội dung
3 tháng	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
4 tháng	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh

3 tháng	Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
2 tháng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh

Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được lồng ghép các buổi tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế bệnh viện; an toàn người bệnh; kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám, chữa bệnh, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian	Số tiết
1	Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023.	4 buổi	16 tiết
2	Quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn (<i>Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997</i>)	4 buổi	16 tiết
3	Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế (<i>Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014</i>)	4 buổi	16 tiết
4	An toàn người bệnh (<i>Quyết định số 56/QĐ-K2ĐT ngày 16/5/2014 về việc ban hành chương trình và tài liệu đào tạo “An toàn người bệnh”</i>)	4 buổi	16 tiết
5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2 buổi	8 tiết

VI. NỘI DUNG THỰC HÀNH VÀ CHỈ TIÊU THỰC HÀNH

1. Tham gia tiếp nhận, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án bệnh nhân mắc các bệnh lý theo từng chuyên khoa thường gặp

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnh tối thiểu	Ghi chú
I - Hồi sức cấp cứu			
1	Ngừng tuần hoàn - hô hấp	1	
2	Sốc/ trụy mạch	1	
3	Phản vệ	3	
4	Ngộ độc cấp, tự độc	1	
5	Đột quy não	1	
6	Nhồi máu cơ tim cấp	1	
7	Xuất huyết tiêu hóa cao	2	

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnh tối thiểu	Ghi chú
8	Viêm tụy cấp	1	
9	Tăng huyết áp kịch phát	2	
10	Phù phổi cấp	1	
11	Dị vật đường thở	1	
12	Cơn hen phế quản nặng	1	
13	Đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính mức độ nặng	1	
II - Nội khoa			
14	Kỹ năng khám, đánh giá phân loại bệnh nội khoa		
15	Đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	2	
16	Viêm phổi	3	
17	Viêm phế quản cấp	3	
18	Hen phế quản	2	
19	Viêm khớp	3	
20	Thoái hóa cột sống	3	
21	Viêm dây thần kinh tọa	2	
22	Viêm dạ dày cấp	2	
23	Cơn đau thắt ngực	2	
24	Tăng huyết áp	3	
25	Gout	2	
26	Rối loạn lipid máu	2	
27	Đái tháo đường	3	
28	Bệnh lý hệ tiết niệu: Viêm thận cấp, Viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, nhiễm trùng tiết niệu	2	
III - Truyền nhiễm			
29	Lao phổi	2	
30	Lỵ amip, lỵ trực trùng.	3	
31	Sốt xuất huyết, sốt mò, sốt rét, sốt siêu vi	2	
32	Viêm não, viêm màng não	1	

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnh tối thiểu	Ghi chú
33	Thủy đậu, sởi, quai bị, Tay-chân-miệng, bạch hầu	1	
34	Tiêu chảy nhiễm khuẩn	3	
IV - Ngoại khoa			
35	Kỹ năng khám, đánh giá phân loại bệnh ngoại khoa.		
36	Viêm ruột thừa	2	
37	Lông ruột, tắc ruột	2	
38	Sỏi mật, sỏi thận.	2	
39	Thoát vị bẹn	3	
40	Trĩ	2	
41	Vết thương phần mềm	2	
42	Chấn thương (bụng, ngực)	1	
43	Gãy xương kín, hở.	2	
44	Bỏng	1	
45	Điều trị, chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật	2	
V - Sản phụ khoa			
46	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai kỳ	2	
47	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối	2	
48	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ đẻ thường	2	
49	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ bệnh lý	1	
50	Khám, sơ cứu chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của thai nghén	2	
50	Phát hiện và xử trí các nguy cơ trong chuyển dạ	3	
52	Thai ngoài tử cung	2	
53	Các tổn thương vú	2	
54	Khám, điều trị, tư vấn các bệnh lây qua đường quan hệ tình dục	2	
VI - Nhi			
55	Suy hô hấp sơ sinh	1	
56	Vàng da sơ sinh	3	

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnh tối thiểu	Ghi chú
57	Nhiễm trùng sơ sinh	1	
58	Suy dinh dưỡng trẻ em	1	
59	Viêm phổi do vi khuẩn ở trẻ em	3	
60	Viêm tiểu phế quản cấp	2	
61	Tiêu chảy cấp	3	
62	Nhiễm ký sinh trùng đường ruột	1	
63	Hen phế quản trẻ em	1	
64	Đau bụng chức năng	2	
65	Sốt cao co giật	2	
VII - Tai mũi họng - Mắt - Răng hàm mặt			
66	Viêm amydal	5	
67	Viêm tai giữa	5	
68	Viêm mũi xoang	5	
69	Viêm họng, viêm mũi	5	
70	Bệnh sâu răng - viêm tuỷ răng	3	
71	Viêm lợi	5	
72	Vết thương vùng hàm mặt	2	
73	Vết thương mi - Chấn thương mắt	1	
74	Đục thủy tinh thể	2	
	Tổng	153	

2. Thực hiện các kỹ thuật chuyên khoa cơ bản

STT	Tên kỹ thuật	Số lần	Mức độ đạt	
			Phụ	Tự làm
I - Hồi sức cấp cứu				
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp	2	X	
2	Đặt nội khí quản	1	X	
II - Ngoại khoa				
3	Khâu vết thương phần mềm	7		X
4	Thăm trực tràng	2		X

5	Chích, rạch áp xe	2	X	
III - Sản phụ khoa				
6	Cắt khâu tầng sinh môn	4		X
7	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	2		X
8	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	3		X
9	Tư vấn các biện pháp tránh thai	3		X
10	Tư vấn quản lý thai nghén	3		X
IV - Nhi - Sơ Sinh				
11	Chiếu đèn điều trị vàng da	2		X
12	Xử trí bệnh nhân co giật	2	X	
13	Khí dung thuốc cấp cứu	2		X
V - Tai mũi họng - Mắt - Răng hàm mặt				
14	Lấy dị vật mũi	1		X
15	Lấy dị vật tai	1		X
16	Nhét bắc mũi trước	1		X
17	Nhét bắc mũi sau	1		X
18	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	1	X	
19	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng mi mắt	1	X	

3. Tiêu chí đánh giá

- Ý thức học tập và sự chuyên cần: học viên cần tham dự đầy đủ thời gian khóa học và tham gia tích cực trong quá trình học. Trong trường hợp nghỉ học phải báo cáo với giáo viên phụ trách và không được nghỉ quá 5% số tiết học. Có ý thức tập thể, chấp hành nội quy học tập.

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp gồm thi lý thuyết tổng hợp, thực hành quy trình.

- Điểm tốt nghiệp: Bao gồm điểm trung bình các lần kiểm tra (25%), điểm trung bình các bài thực tập (25%) và điểm bài thi cuối khóa (50%).

VII. TỔ CHỨC KIỂM TRA

- Thi lý thuyết: Tại hội trường của Trung tâm Y tế.

- Thi thực hành: Tại các khoa lâm sàng thuộc Trung tâm Y tế.

VIII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN THỰC HÀNH

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực hành

Đánh giá việc thực hiện các kỹ năng trong khám bệnh, chữa bệnh, thủ thuật, phẫu thuật; Thi thực hành cuối khóa; Tỷ lệ tai biến sau thủ thuật, phẫu thuật (0%). Học viên đạt sẽ được người hướng dẫn thực hành xác nhận bằng phiếu nhận xét quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh (*Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế*)

2. Xác nhận thực hành của đơn vị

Học viên được cấp giấy xác nhận thực hành của đơn vị khi đáp ứng đủ 2 điều kiện:

- Phiếu đánh giá của người hướng dẫn thực hành tại tất cả các khoa thực hành đạt loại tốt.
- Tham gia trên 85% quỹ thời gian thực hành tại Trung tâm Y tế.
- Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo *Mẫu số 7 Phụ lục I*, (Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

IX. CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính - Kế toán lập dự toán tính chi phí thực hành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi.

2. Việc hạch toán, thanh quyết toán phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Số: /QĐ-YTĐL

Đắk Glei, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề Y sĩ đa khoa tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 32/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định 173/2023/QĐ-BYT ngày 13/01/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành đào tạo Y sĩ đa khoa;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-SYT ngày 29/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng khoa học công nghệ Trung tâm Y tế xét Chuẩn đầu ra, Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề Y sĩ đa khoa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề Y sĩ đa khoa” tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định trước đây.

Điều 3. Các bộ phận trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế tỉnh Kon Tum (b/c);
- Lãnh đạo TTYT;
- Lưu: VT, KH-NV-ĐD-KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thành

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHO YSỸ ĐA KHOA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-YTĐL ngày 13 tháng 6 năm 2024
của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei)

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật khám bệnh, chữa bệnh 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
- Quyết định 173/2023/QĐ-BYT ngày 13/01/2003 của Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình khung giáo dục trung học chuyên nghiệp ngành đào tạo Y sỹ đa khoa;
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 32/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei là đơn vị sự nghiệp hạng III, có chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, trong đó về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có:

(1) Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

(2) Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm.

(3) Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.

(4) Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

(5) Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành: Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei cơ bản đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Nguồn nhân lực hướng dẫn thực hành: Gồm 01 bác sĩ chuyên khoa cấp

II, 07 bác sĩ chuyên khoa cấp I(01 bác sĩ chuyên khoa Nội tổng quát; 01 bác sĩ chuyên khoa nhi; 01 bác sĩ chuyên khoa phụ sản; 01 bác sĩ chuyên khoa ngoại; 02 bác sĩ chuyên khoa Truyền Nhiễm, 01 bác sĩ chuyên CDHA); 02 bác sĩ đa khoa định hướng Sản phụ khoa; 01 bác sĩ đa khoa định hướng tai mũi họng; 05 bác sĩ đa khoa; 25 y sĩ tại các Khoa, Phòng, phòng khám đa khoa khu vực và Trạm Y tế xã, thị trấn.

- Danh mục kỹ thuật Chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là y sĩ có phạm vi có phạm vi hoạt động chuyên môn “khám bệnh, chữa bệnh đa khoa”

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
		HỆ THẦN KINH
1	2.128	Chăm sóc mắt ở người liệt VII ngoại biên (một lần)
2	3.150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
		HỆ TUẦN HOÀN
3	2.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	21.13	Nghiệm pháp dây thắt
5	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
6	6.69	Xử trí hạ huyết áp tư thế
7	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
8	9.8	Cấp cứu ngừng tim
9	9.10	Cấp cứu tụt huyết áp
10	3.51	Ép tim ngoài lồng ngực
11	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
12	3.1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
13	1.28	Theo dõi SpO2 liên tục tại giường
14	1.51	Hồi sức chống sốc < 8 giờ
		HỆ HÔ HẤP
15	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản
16	2.28	Kỹ thuật ho có điều khiển
17	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
18	2.29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
19	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
20	15.221	Sơ cứu bông đường hô hấp
21	3.2189	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp
22	3.101	Thay canuyn mở khí quản
23	3.107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
24	9.7	Cấp cứu ngừng thở
25	3.103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
26	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
27	9.183	Thở oxy gọng kính
28	1.57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
29	9.184	Thở oxy qua mặt nạ
30	3.110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
31	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
32	3.105	Thở ngắt
33	1.64	Thủ thuật Heimlic (lấy dị vật đường thở) cho người lớn, trẻ em
34	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
35	2.68	Vận động trị liệu hô hấp
36	3.112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
		HỆ TIÊU HOÁ
37	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
38	3.172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
39	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
40	1.216	Đặt ống thông dạ dày
41	1.223	Đặt ống thông hậu môn
42	3.178	Đặt sonde hậu môn
43	2.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
44	3.1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
45	3.175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
46	1.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bom tay
47	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
48	9.147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
49	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu
50	1.222	Thụt giữ
51	2.221	Thụt tháo
52	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
53	2.338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
54	2.339	Thụt tháo phân
55	2.244	Đặt ống sonde dạ dày
56	3.3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
		HỆ TIẾT NIỆU
57	3.334	Chăm sóc ống thông bàng quang
58	3.3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
59	1.164	Thông bàng quang
60	3.133	Thông tiểu
61	1.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
62	3.1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
63	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
		HỆ NỘI TIẾT
64	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
65	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
		HỆ CƠ XƯƠNG
66	10.164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
67	16.300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
68	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
69	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
70	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
71	3.2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
72	3.3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn
73	3.3817	Chích áp xe phần mềm lớn
74	16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
75	3.2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
76	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
		MẮT
77	14.203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
78	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
79	14.207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
80	14.205	Đốt lông xiêu; nhổ lông xiêu
81	14.171	Khâu da mi đơn giản
82	14.200	Lấy dị vật kết mạc
83	14.210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
84	14.208	Thay băng vô khuẩn
85	14.222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
86	14.174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
87	14.209	Tra thuốc nhỏ mắt
88		Quy Trình Khám mắt
		TAI
89	15.57	Chích nhọt ống tai ngoài
90	15.56	Chọc hút dịch vành tai
91	3.2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
92	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
		MŨI , MIỆNG, HỌNG, ĐẦU CỔ
93	15.142	Cầm máu mũi bằng Merocel
94	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
95	2.150	Hút đờm hầu họng
96	15.222	Khí dung mũi họng
97	15.212	Lấy dị vật họng miệng
98	15.141	Nhét bắc mũi trước
99	3.1955	Nhổ răng sữa
100	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
101	15.301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu cổ
102	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
103	15.303	Thay băng vết nhỏ
104	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
105		RĂNG HÀM MẶT
106	16.41	Chích áp xe lợi
107	16.42	Lấy cao răng
108	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
109	5.3	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
110	3.3006	Ga giường bột tale điều trị bệnh da
111	11.12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da
112	3.1703	Cắt chỉ khâu da
113	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.
		NHI KHOA
114	3.51	Ép tim ngoài lồng ngực
115	3.105	Thở ngạt
116	3.106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
117	3.107	Thủ thuật Heimlic (lấy dị vật đường thở)
118	3.108	Thở oxy gọng kính
119	3.112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
120	3.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
121	3.191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
122	3.133	Thông tiểu
123	3.134	Hồi sức chống sốc
124	3.150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
125	3.178	Đặt sonde hậu môn
126	3.179	Thụt tháo phân
127	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
128	3.199	Xoa bóp phòng chống loét
129	3.200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
130	3.201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
131	3.202	Băng bó vết thương
132	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
133	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn
134	3.210	Tiêm truyền thuốc
		XÉT NGHIỆM
135	1.5	Làm test phục hồi máu mao mạch
136	3.191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
137	23.201	Định lượng protein niệu
138		Lấy mẫu, vận chuyển mẫu bệnh phẩm xét nghiệm
		DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC
139	1.275	Băng bó vết thương
140	1.269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
141	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
142	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
143	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
144	3.3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
145	12.92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm
146	9.11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
147	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
148	3.3910	Chích hạch viêm mủ
149	3.3031	Chích rạch áp xe nhỏ
150	11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
151	11.131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng
152	1.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
153	3.1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
154	3.134	Hồi sức chống sốc
155	3.4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều
156	11.177	Kỹ thuật massage tại chỗ trong chăm sóc vết thương mạn tính

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
157	11.180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới
158	3.1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
159	3.1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
160	11.176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
161	1.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
162	9.133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc
163	11.138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cóng lạnh
164	11.139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác
165	11.140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ
166	11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid
167	11.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
168	11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng
169	11.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
170	3.4198	Test dưới da với thuốc
171	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
172	15.303	Thay băng vết mổ
173	3.3911	Thay băng, cắt chỉ
174	3.87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
175	9.168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
176	9.175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy
177	9.176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
178	3.2389	Tiêm bắp thịt
179	3.2388	Tiêm dưới da
180	3.2387	Tiêm trong da
181	3.210	Tiêm truyền thuốc
182	9.194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
183	3.1405	Truyền dịch thường quy
184	9.196	Truyền dịch trong sốc
185	1.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ

Số TT	Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
186	9.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
187	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
188	3.204	Vận chuyển người bệnh an toàn
189	1.278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
190	1.279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
191	9.204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiêu phẫu hoặc buồng bệnh
192	3.885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay
193	3.886	Xoa bóp lưng, chân
194	1.266	Xoa bóp phòng chống loét
195	3.887	Xoa bóp
196	9.124	Xoay trở bệnh nhân thở máy
197	11.80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Đối tượng thực hành

Đủ các điều kiện sau

- Có văn bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo y sỹ đa khoa.
- Chưa được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (*Luật số 15/2023/QH ngày 09/01/2023*).
- Có nhu cầu tham gia thực hành.

2. Người hướng dẫn thực hành

Đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, khoản 4, khoản Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:

2.1. Phân công người hướng dẫn thực hành:

- Việc phân công người hướng dẫn thực hành theo **Mẫu 06 Phụ lục I** ban hành kèm theo Nghị định này.
- Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

2.2. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành

- Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với

nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành.

- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.
- Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

III. NHIỆM VỤ CỦA CÁC KHOA LÂM SÀNG VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Khoa lâm sàng

- Hướng dẫn nội quy của khoa ngay đầu tiên học viên đến học thực hành tại khoa;
- Phân công bác sỹ hướng dẫn thực hành theo quyết định của bệnh viện;
- Phân trực cho học viên: Theo lịch trực của bác sỹ được phân công hướng dẫn thực hành;
- Quản lý học viên trong giờ thực hành, chấm công, chấm trực hàng ngày, hướng dẫn, giám sát học viên thực hành;
- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho Bác sỹ thực hành.

2. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của bệnh viện.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

3. Nhiệm vụ của học viên

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của bệnh viện và khoa thực hành.
- Bảo đảm ngày giờ công, chủ động tích cực học tập, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa

bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thoả thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

- Viết báo cáo kết quả quá trình thực hành, xác nhận của người hướng dẫn thực hành trước khi kết thúc thời gian thực hành tại khoa.

- Mỗi học viên phải chuẩn bị 01 quyển sổ ghi chép đầy đủ nhật ký giảng dạy, kiến thức lâm sàng.

IV. THỜI GIAN: Thời gian thực hành: 9 tháng.

V. LỊCH THỰC HÀNH

Thời gian	Khoa lâm sàng thực hành	Nội dung
3 tháng	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
3 tháng	Khoa Nội-Nhi-Truyền nhiễm	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
2 tháng	Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh
1 tháng	Khoa YHCT-PHCN	Thực hành hành nghề khám chữa bệnh

Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được lồng ghép các buổi tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế bệnh viện; an toàn người bệnh; kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám chữa bệnh, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian	Số tiết
1	Phổ biến Luật Khám bệnh, chữa bệnh(Luật số 15/2023/QH ngày 09/01/2023)	4 buổi	16 tiết
2	Quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn(Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997)	4 buổi	16 tiết
3	Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế(Thông tư : 07/2014/TT-BYT ngày 25 tháng 02	4 buổi	16 tiết

STT	Nội dung	Thời gian	Số tiết
	<i>năm 2014)</i>		
4	An toàn người bệnh(<i>Quyết định 56/QĐ-K2ĐT ngày 16/5/2014 về việc ban hành chương trình và tài liệu đào tạo “An toàn người bệnh”</i>)	4 buổi	16 tiết
5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2 buổi	8 tiết

VI. NỘI DUNG THỰC HÀNH VÀ CHỈ TIÊU THỰC HÀNH

1. Tham gia tiếp nhận, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án bệnh nhân mắc các bệnh lý theo từng chuyên khoa thường gặp với yêu cầu cụ thể như sau

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnhh tối thiểu	Ghi chú
I - Hồi sức cấp cứu			
1	Ngừng tuần hoàn - hô hấp	1	
2	Sốc/ trụy mạch	1	
3	Phản vệ	1	
4	Ngộ độc cấp, tự độc	1	
5	Đột quy não	1	
6	Xuất huyết tiêu hóa cao	1	
7	Viêm tụy cấp	1	
8	Tăng huyết áp kịch phát	2	
II-Nội khoa			
9	Kỹ năng khám, đánh giá phân loại bệnh nội khoa		
10	Đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	1	
11	Viêm phổi	3	
12	Viêm phế quản cấp	3	
13	Hen phế quản	1	
14	Viêm khớp	3	
15	Viêm dây thần kinh tọa	2	
16	Viêm dạ dày cấp	2	
17	Con đau thắt ngực	1	
18	Tăng huyết áp	3	
19	Gout	2	

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnhh tối thiểu	Ghi chú
20	Đái tháo đường	1	
21	Bệnh lý hệ tiết niệu: Viêm thận cấp, Viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, nhiễm trùng tiết niệu	1	
III-Truyền nhiễm			
22	Lao phổi	2	
23	Ly amip, ly trực trùng.	1	
24	Sốt xuất huyết, sốt mò, sốt rét, sốt siêu vi	2	
25	Thủy đậu, sởi, quai bị, Tay-chân-miệng, bạch hầu	1	
26	Tiêu chảy nhiễm khuẩn	1	
IV - Ngoại khoa			
27	Kỹ năng khám, đánh giá phân loại bệnh ngoại khoa.		
28	Sỏi mật, sỏi thận.	2	
29	Trĩ	1	
30	Vết thương phần mềm	2	
31	Chấn thương (bụng, ngực)	1	
32	Gãy xương kín, hở.	2	
33	Bỏng	1	
V - Sản phụ khoa			
34	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng đầu thai kỳ	2	
35	Khám, chẩn đoán, tư vấn thai nghén trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối	2	
36	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ đẻ thường	1	
37	Theo dõi, đánh giá chuyển dạ bệnh lý	1	
38	Khám, sơ cứu chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của thai nghén	1	
39	Phát hiện và xử trí các nguy cơ trong chuyển dạ	2	
40	Các tổn thương vú	1	
41	Khám, điều trị, tư vấn các bệnh lây qua đường quan hệ tình dục	2	

STT	Bệnh lý chuyên khoa thường gặp	Số ca bệnhh tối thiểu	Ghi chú
VI - Nhi			
42	Suy hô hấp sơ sinh	1	
43	Vàng da sơ sinh	1	
44	Nhiễm trùng sơ sinh	1	
45	Suy dinh dưỡng trẻ em	1	
46	Viêm phổi do vi khuẩn ở trẻ em	1	
47	Tiêu chảy cấp	1	
48	Nhiễm ký sinh trùng đường ruột	1	
49	Hen phế quản trẻ em	1	
50	Đau bụng chức năng	2	
51	Sốt cao co giật	2	
VII- Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt			
52	Viêm amydal	5	
53	Viêm tai giữa	5	
54	Viêm họng, viêm mũi	5	
55	Bệnh sâu răng - viêm tuỷ răng	2	
56	Viêm lợi	5	
57	Vết thương vùng hàm mặt	2	
58	Vết thương mi - Chấn thương mắt	1	
59	Đục thủy tinh thể	2	
60	Tổng	99	

2. Thực hiện các kỹ thuật chuyên khoa cơ bản

STT	Tên kỹ thuật	Số lần	Mức độ đạt	
			Phụ	Tự làm
I - Hồi sức cấp cứu				
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp	1	X	
2	Đặt nội khí quản	1	X	
II - Ngoại khoa				
3	Khâu vết thương phần mềm	2		X

4	Thăm trực tràng	2		X
5	Chích, rạch áp xe	1	X	
III - Sản phụ khoa				
6	Cắt khâu tầng sinh môn	2		X
7	Đỡ đẻ thường ngôi chòm	2		X
8	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	3		X
9	Tư vấn các biện pháp tránh thai	3		X
10	Tư vấn quản lý thai nghén	3		X
IV - Nhi-Sơ Sinh				
11	Xử trí bệnh nhân co giật	2		X
12	Khí dung thuốc cấp cứu	2		X
V-Tai mũi họng-Mắt-Răng hàm mặt				
13	Lấy dị vật mũi	1		X
14	Lấy dị vật tai	1		X
15	Nhét bắc mũi trước	1		X
16	Nhét bắc mũi sau	1		X
17	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	1	X	
18	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng mi mắt	1	X	

3. Tiêu chí đánh giá

- Ý thức học tập và sự chuyên cần: học viên cần tham dự đầy đủ thời gian khóa học và tham gia tích cực trong quá trình học. Trong trường hợp nghỉ học phải báo cáo với giáo viên phụ trách và không được nghỉ quá 5% số tiết học. Có ý thức tập thể, chấp hành nội quy học tập.

- Thi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp gồm thi lý thuyết tổng hợp, thực hành quy trình.

- Điểm tốt nghiệp: Bao gồm điểm trung bình các lần kiểm tra (25%), điểm trung bình các bài thực tập (25%) và điểm bài thi cuối khóa (50%).

VII. TỔ CHỨC KIỂM TRA

- Thi lý thuyết: Tại hội trường của Trung tâm Y tế.

- Thi thực hành: Tại các khoa lâm sàng thuộc Trung tâm Y tế.

VIII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN THỰC HÀNH

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực hành

Đánh giá việc thực hiện các kỹ năng trong khám bệnh, chữa bệnh, thủ thuật, phẫu thuật; Thi thực hành cuối khóa; Tỷ lệ tai biến sau thủ thuật, phẫu thuật (0%). Học viên đạt sẽ được người hướng dẫn thực hành xác nhận bằng phiếu nhận xét quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

2. Xác nhận thực hành của đơn vị

Học viên được cấp giấy xác nhận thực hành của đơn vị khi đáp ứng đủ 2 điều kiện:

- Phiếu đánh giá của người hướng dẫn thực hành tại tất cả các khoa thực hành đạt loại tốt.

- Tham gia trên 85% quỹ thời gian thực hành tại Trung tâm.

- Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo **Mẫu số 7 Phụ lục I**, (Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh).

IX. CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính - Kế toán, lập dự toán tính chi phí thực hành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi.

2. Việc hạch toán, thanh quyết toán phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật.